

Số: **3858** /TCT- CS  
V/v miễn, giảm tiền  
thuê đất

*Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2012*

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh Nghệ An

Trả lời công văn số 557/CT-QLCKTTĐ ngày 26/4/2012 của Cục Thuế tỉnh Nghệ An về miễn, giảm tiền thuê đất, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Theo quy định tại Nghị định số 51/1999/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10 ngày 08/7/1999 của Chính phủ:

+ Tại khoản 2 Điều 38 quy định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: “2. Quyết định cấp hoặc từ chối cấp ưu đãi đầu tư cho cơ sở sản xuất, kinh doanh do địa phương quản lý;”

+ Tại điểm e khoản 1 Điều 41 quy định trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh trong việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị ưu đãi đầu tư tại địa phương:

“1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận và xem xét hồ sơ đề nghị ưu đãi đầu tư đối với dự án thực hiện trên phạm vi địa phương, gồm cả dự án đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, mà nhà đầu tư là :

.....

e) Doanh nghiệp nhà nước thuộc địa phương quản lý;”

+ Tại khoản 1 Điều 40 quy định về thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp huyện: “1. Tiếp nhận và thụ lý hồ sơ đề nghị ưu đãi đầu tư của các nhà đầu tư nói tại khoản 2 Điều 41 Nghị định này; xem xét đề trình Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp ưu đãi đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi);”

- Theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước:

+ Tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP: “4. Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định này chỉ được thực hiện trực tiếp với đối tượng được thuê và tính trên số tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp.”

+ Tại Điều 16 quy định về thẩm quyền miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước:

“Cơ quan thuế căn cứ vào hồ sơ địa chính kèm theo giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định này để xác định số tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp, số tiền thuê đất, thuê mặt nước được miễn, giảm.



Cục trưởng Cục thuế quyết định miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với tổ chức kinh tế; tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê đất.”

Căn cứ các quy định trên thì:

Việc miễn, giảm tiền thuê đất chỉ được thực hiện trực tiếp với đối tượng thuê và thẩm quyền quyết định miễn, giảm tiền thuê đất đối với tổ chức thuộc về Cục trưởng Cục Thuế theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ. Công ty quản lý và phát triển hạ tầng đô thị Vinh được nhà nước cho thuê đất đối với toàn bộ diện tích đã hình thành nên Khu tiểu thủ công nghiệp Đông Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo hợp đồng thuê đất số 08/HĐ-TĐ ngày 15/01/2004; sau đó Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần quản lý và phát triển hạ tầng đô thị Vinh. Vì vậy, Công ty Cổ phần quản lý và phát triển hạ tầng đô thị Vinh được kế thừa quyền lợi (ưu đãi về tiền thuê đất theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho Công ty quản lý và phát triển hạ tầng đô thị Vinh).

Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật về đầu tư thì thẩm quyền cấp ưu đãi đầu tư cho cơ sở sản xuất, kinh doanh do địa phương quản lý thuộc về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị ưu đãi đầu tư và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 41 và khoản 1 Điều 40 Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ. Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố Vinh cấp ưu đãi đầu tư cho Công ty quản lý và phát triển hạ tầng đô thị Vinh theo phản ánh tại công văn số 557/CT-QLCKTTĐ là chưa phù hợp với quy định tại Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ.

Do vậy, Công ty cổ phần quản lý và phát triển hạ tầng đô thị Vinh không được hưởng ưu đãi về miễn tiền thuê đất theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã được Ủy ban nhân dân thành phố Vinh đã cấp. Công ty cổ phần quản lý và phát triển hạ tầng đô thị Vinh chỉ được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005, Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ nếu đáp ứng hồ sơ đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ và tại Khoản 6 Điều 39 Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011 của Bộ Tài chính.

Tổng cục Thuế trả lời để Cục Thuế tỉnh Nghệ An được biết./. ✱

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục QLCS;
- Vụ CST-BTC; Vụ PC-BTC;
- Vụ PC-TCT (1b);
- Lưu: VT, CS (2b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Cao Anh Tuấn**